

Số: 454/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 3 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân khai kinh phí cho vay giải quyết việc làm và  
cho vay xuất khẩu lao động từ nguồn vốn Quỹ giải quyết  
việc làm tỉnh năm 2013**

|   |               |
|---|---------------|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC QUẢNG NGÃI |               |
| CV<br>ĐẾN                               | Số: 1858      |
|   | Ngày: 26/3/13 |
|   | Chuyên:       |

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 222/2012/TT-BTC ngày 24/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế lập, quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 288/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 01/3/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân khai khoản kinh phí 08 tỷ đồng (Tám tỷ đồng) từ ngân sách tỉnh bổ sung nguồn vốn vay Quỹ giải quyết việc làm tỉnh năm 2013 cho các huyện, thành phố để cho vay giải quyết việc làm và cho vay xuất khẩu lao động (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở chỉ tiêu vốn được phân khai tại Điều 1 Quyết định này, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm quyết định phân khai vốn cho các xã, phường, thị trấn; đồng thời, chỉ đạo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố phối hợp với các ngành chức năng và địa phương liên quan tổ chức cho vay, thu hồi nợ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi theo dõi, đôn đốc tình hình giải ngân vốn của các huyện, thành phố. Đến ngày 30/9/2013, trường hợp huyện, thành phố nào không giải ngân hết số vốn đã được phân bổ

trong năm 2013 thì đề xuất UBND tỉnh điều chuyển cho địa phương khác tiếp tục cho vay.

Riêng vốn vay xuất khẩu lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm chủ động điều chuyển nguồn vốn giữa các huyện, thành phố để đảm bảo kịp thời giải ngân vốn vay.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PVP (VX), P.VHXH; CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHdqv184





**PHỤ LỤC**  
**Phân khai vốn vay Quỹ giải quyết việc làm**  
**Tỉnh Quảng Ngãi năm 2013**

(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 26/3/2013  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

| TT | Huyện, thành phố | MỨC PHÂN KHAI<br>QUỸ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2013 |                  |              |                                  | TỔNG CỘNG    |
|----|------------------|---|------------------|--------------|----------------------------------|--------------|
|    |                  | CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM                                       |                  |              | CHO VAY<br>XUẤT KHẨU<br>LAO ĐỘNG |              |
|    |                  | Việc làm  | Cho vùng mất đất | Tổng         |                                  |              |
| 1  | Bình Sơn         | 400   | 200              | 600          | 700                              | 1.300        |
| 2  | Sơn Tịnh         | 400   | 200 (*)          | 800          | 500                              | 1.300        |
| 3  | Tư Nghĩa         | 400   |                  | 350          | 500                              | 850          |
| 4  | Nghĩa Hành       | 400   |                  | 350          | 200                              | 550          |
| 5  | Mộ Đức           | 400   |                  | 350          | 300                              | 650          |
| 6  | Đức Phổ          | 400   |                  | 350          | 400                              | 750          |
| 7  | Ba Tư            | 300   |                  | 300          |                                  | 300          |
| 8  | Sơn Hà           | 300   |                  | 300          |                                  | 300          |
| 9  | Trà Bồng         | 300   |                  | 300          |                                  | 300          |
| 10 | Tây Trà          | 150   |                  | 150          |                                  | 150          |
| 11 | Sơn Tây          | 200   |                  | 200          |                                  | 200          |
| 12 | Minh Long        | 200   |                  | 200          |                                  | 200          |
| 13 | Lý Sơn           | 200   |                  | 200          | 150                              | 350          |
| 14 | TP Quảng Ngãi    | 400   | 150              | 550          | 250                              | 800          |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>4.450</b>  | <b>550</b>       | <b>5.000</b> | <b>3.000</b>                     | <b>8.000</b> |

(\*) Ưu tiên cho vay đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất phục vụ dự án VSIP  
Quảng Ngãi